

Bản án số: 96/2026/HS-ST
Ngày 31-7-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền;

Bà Lê Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên toà: Bà Vy Thị Mai Hương - Thư ký viên Toà án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Nông Ngọc Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 89/2026/TLST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2026/QĐXXST-HS, ngày 30 tháng 6 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Nông Văn N (tên gọi khác: Không), sinh ngày 03 tháng 3 năm 1961 tại tỉnh Lạng Sơn. Căn cước công dân số 020061002***, Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an cấp ngày 22-11-2022. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L (nay là thôn L), xã C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 01/10; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn V và bà Triệu Thị V1 (đều đã chết); có vợ Lương Thị X (đã ly hôn năm 2011) và 02 con (con thứ nhất sinh năm 1990, con thứ hai sinh năm 1993); tiền án: Tại Bản án số 38/2023/HS-ST ngày 20-6-2023 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 01 năm 08 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự (đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 26-8-2024); tiền sự: Không; nhân thân: Đã bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị tạm giữ, tạm giam tại Phân trại tạm giam Lộc Bình - Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 23-01-2026 đến nay; có mặt.

2. Lê Việt H (tên gọi khác: Không), sinh ngày 14 tháng 8 năm 2001 tại tỉnh Thái Nguyên. Căn cước công dân số 019201009***, Cục cảnh sát Quản lý hành

chính về trật tự xã hội - Bộ Công an cấp ngày 03-4-2025. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố P, phường P, tỉnh Thái Nguyên; nơi ở hiện nay: Thôn T (nay là thôn C), xã B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn G và bà Hoàng Thị N1; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Đang trong thời gian bị quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú theo Quyết định số 724/QĐ-UBND ngày 03-11-2025 của Ủy ban nhân dân phường P, tỉnh Thái Nguyên trong thời hạn 01 năm từ ngày 03-11-2025 đến ngày 03-11-2026; nhân thân: Đã bị xử lý trách nhiệm hình sự tại Bản án số 10/2022/HS-ST ngày 31-3-2022 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 01 năm 08 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, ngày 16-5-2023; bị tạm giữ, tạm giam tại Phân trại tạm giam Lộc Bình - Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 23-01-2026 đến nay; có mặt.

3. Nông Văn K (tên gọi khác: Không), sinh ngày 22 tháng 10 năm 2002 tại tỉnh Lạng Sơn. Căn cước công dân số 020202000***, Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an cấp ngày 25-4-2021. Nơi cư trú: Thôn C (nay là thôn P), xã B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn T và bà Nông Thị T1; vợ, con: Chưa có; tiền án: Tại Bản án số 28/2023/HS-ST ngày 25-4-2023 của Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự (đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 08-6-2024); tiền sự: Không; nhân thân: Đã bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị tạm giữ, tạm giam tại Phân trại tạm giam Lộc Bình - Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 23-01-2026 đến nay; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Lê Văn G1, sinh năm 1989. Căn cước công dân số 020202000***. Nơi thường trú: Tổ dân phố P, phường P, tỉnh Thái Nguyên. Nơi ở hiện nay: Thôn T (nay là thôn C), xã B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Ông Nông Văn P, sinh năm 1990. Căn cước công dân số 020090001***. Nơi thường trú: Thôn C (nay là thôn P), xã B, tỉnh Lạng Sơn; hiện đang chấp hành án tại Trại giam Hoàng Tiến, Bộ Công an; vắng mặt.

3. Bà Linh Thị D, sinh năm 1987. Căn cước công dân số 020187007***. Nơi thường trú: Thôn C (nay là thôn P), xã B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Ông Hoàng Văn T2, sinh năm 1973. Căn cước công dân số 020073001***. Nơi thường trú: Thôn T (nay là thôn Y), xã V, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nông Văn N, Lê Việt H, Nông Văn K đều là các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy Heroin và có mối quan hệ quen biết với nhau. Nông Văn N đã 03 lần thực hiện hành vi bán ma túy trái phép cho Lê Việt H và Nông Văn K; Lê Việt H có hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy; Nông Văn K có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Sáng ngày 20-01-2026, Nông Văn N một mình điều khiển xe mô tô biển số 12X1-037.23 đi đến ngã tư K, xã K, tỉnh Bắc Ninh mua 400.000 đồng được 05 gói ma túy Heroin với một nam thanh niên (không rõ lai lịch). Sau đó, Nông Văn N đem số ma túy này về, lấy 01 gói ma túy sử dụng hết. Trưa cùng ngày, Lê Việt H đến nhà và mua với Nông Văn N 03 gói ma túy Heroin giá 300.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, Lê Việt H đã tìm chỗ vắng người tự sử dụng hết số ma túy này.

Lần thứ hai: Tối ngày 21-01-2026, Nông Văn K đến nhà Nông Văn Nhân mua 01 gói ma túy Heroin giá 100.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, trên đường trở về nhà, Nông Văn K đã tự sử dụng hết số ma túy trên.

Lần thứ ba: Khoảng 14 giờ ngày 22-01-2026, Nông Văn K gọi điện bảo Lê Việt H góp mỗi người 500.000 đồng để mua ma túy Heroin với Nông Văn N. Khoảng 15 giờ cùng ngày, Nông Văn K gặp và đưa Lê Việt H 500.000 đồng. Khoảng 20 giờ cùng ngày, Lê Việt H đến nhà Nông Văn Nhân mua 1.000.000 đồng ma túy Heroin thì Nông Văn N đồng ý và hẹn ngày 23-01-2026 sẽ có ma túy và thỏa thuận khi nhận được ma túy Lê Việt H phải trả công cho Nông Văn N 100.000 đồng.

Đến khoảng 11 giờ 30 phút ngày 23-01-2026, Nông Văn N một mình điều khiển xe mô tô biển số 12X1-037.23 đến ngã tư K, xã K, tỉnh Bắc Ninh gặp một người đàn ông làm nghề xe ôm (không rõ lai lịch) Nông Văn N hỏi mua ma túy và đưa 2.500.000 đồng, người đàn ông cầm tiền đi khoảng 15 phút sau quay lại đưa cho Nông Văn N 27 gói ma túy Heroin, trong đó có 10 gói ma túy Heroin để riêng vào 01 túi nilon. Nông Văn N mang theo ma túy, trên đường về có lấy 01 gói ma túy ra sử dụng. Sau khi sử dụng xong, vào hồi 13 giờ 25 phút cùng ngày Nông Văn N điều khiển xe mô tô về đến nhà thì bị phát hiện bắt quả tang cùng tang vật: 01 mảnh giấy vỏ bao thuốc lá T, bên trong có 05 đoạn ống hút nhựa được hàn kín hai đầu, bên trong đều chứa chất bột màu trắng dạng cục; 01 túi nilon bên trong có 10 đoạn ống hút nhựa được hàn kín hai đầu, bên trong đều chứa chất bột màu trắng dạng cục; 01 túi nilon bên trong có 11 đoạn ống hút nhựa được hàn kín hai đầu, bên trong đều chứa chất bột màu trắng dạng cục; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ bạc, biển số 12X1-037.23.

Ngoài hành vi phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy thì Lê Việt H còn có hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy như sau: Lê Việt H là người nghiện ma túy H1 đã tham gia chương trình cai nghiện ma túy tự nguyện thời gian từ ngày 03-4-2025 đến ngày 03-10-2025 được Cơ sở cai nghiện ma túy số 1, Phòng Cảnh sát

điều tra tội phạm về ma túy, Công an tỉnh Thái Nguyên cấp giấy xác nhận hoàn thành cai nghiện ma túy số 110/GXN-CNTN ngày 03-10-2025. Sau khi hoàn thành việc cai nghiện ma túy, Lê Việt H được đưa vào diện quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú, theo Quyết định số 724/QĐ-UBND ngày 03-11-2025 của Ủy ban nhân dân phường P, tỉnh Thái Nguyên trong thời hạn 01 năm từ ngày 03-11-2025 đến ngày 03-11-2026. Đang trong thời gian bị quản lý, ngày 20-01-2026 Lê Việt H lại tiếp tục có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Ngày 23-01-2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Lạng Sơn đã lập biên bản sự việc và tạm giữ những đồ vật, tài liệu sau: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, biển số 12XA-074.22 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu xanh của Nông Văn K; 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM Origin, màu tím, biển số 12K5-5923 và 01 điện thoại di động Iphone, vỏ màu đen của Lê Việt H.

Ngày 23-01-2026, tiến hành test nhanh chất ma túy có trong nước tiểu đối với Nông Văn N, Lê Việt H, Nông Văn K, kết quả dương tính với chất ma túy Heroin.

Kết luận giám định số 155/KL-KTHS ngày 27-01-2026 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Lạng Sơn, kết luận: Chất bột màu trắng đựng trong 05 đoạn ống nhựa gửi giám định là chất ma túy Heroin, có tổng khối lượng là 0,175 gam; chất bột màu trắng đựng trong 10 đoạn ống nhựa gửi giám định là chất ma túy Heroin, có tổng khối lượng là 0,368 gam; chất bột màu trắng đựng trong 11 đoạn ống nhựa gửi giám định là chất ma túy Heroin, có tổng khối lượng là 0,393 gam.

Kết luận giám định số: 177/KL-KTHS ngày 29-01-2026 của Phòng Kỹ Thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn, kết luận: Mẫu nước tiểu thu giữ của Lê Việt H gửi giám định tìm thấy chất ma túy Morphine; H (Diacetylmorphine) sau khi sử dụng sẽ chuyển hoá thành chất 6-MAM (6-monoacetylmorphine), sau đó chuyển hoá hoàn toàn thành chất ma túy Morphine. Ngày 05-5-2026. Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Lạng Sơn đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, biển số 12XA-074.22 tạm giữ của Nông Văn K cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Linh Thị D.

Vật chứng, đồ vật hiện đang tạm giữ, gồm: 03 phong bì niêm phong bên trong mỗi phong bì có 01 túi nilon đựng 0,142 gam chất ma túy Heroin, 0,337 gam chất ma túy Heroin và 0,356 gam chất ma túy Heroin (còn lại sau giám định, phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết) và toàn bộ các vỏ bao gói; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu xanh của Nông Văn N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu đen của Lê Việt H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu xanh của Nông Văn K; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ bạc, biển số 12X1-037.23 của Nông Văn N; 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM Origin, màu tím, biển số 12K5-5923 của Lê Việt H.

Cáo trạng số: 37/CT-VKSLSN-KV ngày 24 tháng 6 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nông Văn N về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lê Việt H về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và tội Sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 1

Điều 256a Bộ luật Hình sự; bị cáo Nông Văn K về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nông Văn N, Lê Việt H, Nông Văn K giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra và khẳng định bị truy tố, xét xử về tội Mua bán trái phép chất ma túy, Tàng trữ trái phép chất ma túy, Sử dụng trái phép chất ma túy là đúng, không oan, sai. Đối với vật chứng bị tạm giữ chưa xử lý các bị cáo đề nghị xem xét xử lý theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, ông Hoàng Văn T2 vắng mặt tại phiên tòa, lời khai trong quá trình điều tra thể hiện: Nguồn gốc chiếc xe xe mô tô biển số 12X1-037.23 là của ông đăng ký chính chủ xe mua năm 2013 và sử dụng đến năm 2025, ông đã bán lại cho bị cáo Nông Văn N với giá 4.000.000 đồng có đưa đăng ký kèm theo. Nay ông không còn là chủ xe, không có đề nghị gì.

Ông Lê Văn G1 vắng mặt tại phiên tòa, lời khai trong quá trình điều tra thể hiện: Bị cáo Lê Việt H là cháu của ông. Chiếc xe xe mô tô biển số 12K5-5923 trước đây là của ông mua với một người đàn ông không rõ thông tin, mục đích chỉ đi rừng nên ông không làm giấy tờ mua bán xe. Chiếc xe này ông đã cho bị cáo Lê Việt H.

Ông Nông Văn P vắng mặt tại phiên tòa, lời khai trong quá trình điều tra thể hiện: Đầu năm 2025 ông Nông Văn P mua mới chiếc xe mô tô biển số 12XA-074.22, đăng ký chủ sở hữu mang tên ông, hiện ông đang chấp hành án tại Trại giam H2, Bộ C1 nên chiếc xe trên đã giao lại và cho chị dâu của ông là bà Linh Thị D quản lý, sử dụng, sở hữu. Đề nghị trả lại chiếc xe cho bà Linh Thị D.

Bà Linh Thị D vắng mặt tại phiên tòa, lời khai trong quá trình điều tra thể hiện: Bà là chị dâu của ông Nông Văn P và xác nhận ông Nông Văn P đã giao lại và cho bà quản lý, sử dụng, sở hữu chiếc xe mô tô biển số 12XA-074.22 từ đầu năm 2025. Bị cáo Nông Văn K có quan hệ họ hàng với bà, ngày 23-01-2026 hỏi mượn chiếc xe của bà để đi lại. Việc bị cáo tự ý sử dụng xe mô tô trên đi mua ma túy, bà Linh Thị D không biết.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên Cáo trạng truy tố và phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đồng thời đánh giá tính chất, động cơ, mục đích, tác hại của hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra, đánh giá về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng áp dụng đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nông Văn N phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lê Việt H phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và tội Sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nông Văn K phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; các Điều 38, 50; các điểm s, v khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nông Văn N 07 năm 09 tháng đến 08 năm 03 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, các Điều 17, 38, 50, 58, điểm s khoản 1 Điều 51, xử phạt bị cáo Lê Việt H từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 09 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 256a, các Điều 38, 50, điểm s khoản 1 Điều 51, xử phạt bị cáo Lê Việt H từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 09 tháng tù về tội Sử dụng trái phép chất ma túy. Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của cả 02 tội, xử phạt bị cáo từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; các Điều 17, 38, 50, 58; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nông Văn K từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu, tiêu hủy 03 phong bì niêm phong bên trong mỗi phong bì có 01 túi nilon đựng 0,142 gam chất ma túy Heroin, 0,337gam chất ma túy Heroin và 0,356gam chất ma túy Heroin (còn lại sau giám định, phân hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết) và toàn bộ các vỏ bao gói. Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu xanh của Nông Văn N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu đen của Lê Việt H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu xanh của Nông Văn K; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ bạc, biển số 12X1-037.23 của Nông Văn N. Truy thu của bị cáo Nông Văn N số tiền 1.400.000 đồng. Trả lại cho Lê Việt H 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM Origin, màu tím, biển số 12K5-5923.

Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Nông Văn N được miễn án phí hình sự sơ thẩm vì là người cao tuổi; các bị cáo Lê Việt H, Nông Văn K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án này đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lê Văn G1, ông Nông Văn P, ông Hoàng Văn T2, bà Linh Thị D đều vắng mặt không lý do. Xét thấy những người vắng mặt đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến kết quả xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người này theo quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, các bị cáo Nông Văn N, Lê Việt H, Nông Văn K đã khai rõ toàn bộ hành vi phạm tội như tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản sự việc, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, kết luận giám định, vật chứng, đồ vật tạm giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ trong vụ án, thể hiện: Trong các ngày từ 20 đến 23-01-2026, tại nhà ở thuộc thôn L (nay là thôn L), xã C, tỉnh Lạng Sơn, bị cáo Nông Văn N đã nhiều lần bán trái phép chất ma túy Heroine, cụ thể: Ngày 20-01-2026 bán cho bị cáo Lê Việt H 03 gói với giá 300.000 đồng, sau khi mua ma túy Heroine của bị cáo Nông Văn N, bị cáo Lê Việt H đã sử dụng trái phép chất ma túy tại khu vực vườn Na thuộc xã C, Lê Việt H đang trong thời gian đang bị quản lý sau cai nghiện; ngày 21-01-2026 bán cho bị cáo Nông Văn K 01 gói với giá 100.000 đồng; ngày 23-01-2026, sau khi các bị cáo Lê Việt H và Nông Văn K góp mỗi người 500.000 đồng, bị cáo Lê Việt H đưa cho bị cáo Nông Văn N 1.000.000 đồng để mua ma túy Heroine, bị cáo Nông Văn N đã nhận tiền; ngày 23-01-2026 bị cáo Nông Văn N đi mua số ma túy Heroine có khối lượng 0,368 gam nhằm bán cho các bị cáo Lê Việt H, Nông Văn K nhưng chưa kịp giao thì bị phát hiện, bắt giữ.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, hành vi đó gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự của địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tác hại của ma túy đối với con người và những ảnh hưởng tiêu cực của ma túy đối với mọi mặt của đời sống xã hội nhưng do các bị cáo muốn thỏa mãn cho nhu cầu của bản thân nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên cần phải xử lý nghiêm.

[5] Từ những nhận định trên, đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nông Văn N phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lê Việt H phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và tội Sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự; bị cáo Nông Văn K phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số: 37/CT-VKSLSN-KV ngày 24 tháng 6 năm 2026, Viện kiểm sát nhân khu vực 4 - Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[6] Về vai trò đồng phạm: Bị cáo Nông Văn N, để có tiền mua ma túy về sử dụng bị cáo đã đi mua ma túy về với mục đích vừa nhằm thỏa mãn cho nhu cầu bản thân vừa để bán cho các đối tượng nghiện khác để kiếm lời, hành vi phạm tội của bị cáo Nông Văn N là độc lập. Các bị cáo Lê Việt H, Nông Văn K đã cùng

nhau góp tiền (mỗi bị cáo góp 500.000 đồng) đi mua ma túy với bị cáo Nông Văn N về để sử dụng nhằm thỏa mãn nhu cầu của bản thân cùng có vai trò đồng phạm về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, tuy nhiên hành vi của bị cáo Nông Văn K thuộc trường hợp tái phạm nên phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo Lê Việt H. Ngoài ra, bị cáo Lê Việt H còn có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy trong thời gian đang bị quản lý sau cai nghiện nên phải chịu trách nhiệm hình sự độc lập về tội Sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định của pháp luật.

[7] Để cá thể hoá hình phạt, ngoài việc xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội nêu trên thì còn phải xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ để quyết định hình phạt.

[8] Về nhân thân: Các bị cáo Nông Văn N, Nông Văn K có nhân thân xấu, vì là người sử dụng trái phép chất ma túy và đều có 01 tiền án; bị cáo Lê Việt H đã 01 lần bị kết án (đã được xóa án tích) và đang trong thời gian quản lý sau cai nghiện nhưng sử dụng trái phép chất ma túy như phần đầu bản án đã nêu.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Lê Việt H, Nông Văn K đã thành khẩn khai báo về hành vi của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nông Văn N chưa thực sự thành khẩn khai báo về hành vi của mình, tuy nhiên quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi của mình nên xét cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; ngoài ra bị cáo là người có thành tích xuất sắc được tặng thưởng Huy chương Chiến sĩ vẻ vang, Huân chương Chiến công hạng ba nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[10] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Nông Văn N, Nông Văn K đã bị kết án, chưa được xóa án tích, lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lê Việt H không có tình tiết tăng nặng.

[11] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[12] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Nông Văn N, Lê Việt H, Nông Văn K làm lao động tự do, không đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc nhất định, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng để đảm bảo thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 249, khoản 6 Điều 251 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[13] Về xử lý vật chứng:

[13.1] Đối với toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định đựng trong 03 phong bì niêm phong có khối lượng lần lượt là 0,142 gam, 0,337gam, 0,356gam chất ma túy Heroin là vật nhà nước cấm lưu hành và toàn bộ các vỏ bao gói do không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[13.2] Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu xanh của bị cáo Nông Văn N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu đen của bị cáo

Lê Việt H và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu xanh của bị cáo Nông Văn K; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ bạc, biển số 12X1-037.23 của bị cáo Nông Văn N, do đều có liên quan đến hành vi phạm tội và còn giá trị sử dụng cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước. Số tiền 1.400.000 đồng do bị cáo Nông Văn N bán ma túy mà có cần truy thu, nộp ngân sách Nhà nước.

[13.3] Trả lại cho bị cáo Lê Việt H 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM Origin, màu tím, biển số 12K5-5923 là tài sản của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội.

[13.4] Xác nhận ngày 05-5-2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L đã trả lại cho chủ sở hữu bà Linh Thị D 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, biển số 12XA-074.22.

[14] Về những vấn đề liên quan:

[14.1] Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo Nông Văn N tại khu vực ngã tư K, xã K, tỉnh Bắc Ninh do không có đầy đủ thông tin nên cơ quan điều tra không thể điều tra, xác minh, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét xử lý.

[14.2] Đối với các bị cáo Nông Văn N, Nông Văn K, ngày 23-01-2026 dương tính với ma túy Heroin, qua xác minh không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 256a Bộ luật Hình sự nên hành vi không cấu thành tội Sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 26-5-2026, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Lạng Sơn đã xử phạt vi phạm hành chính đối với các bị cáo về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng là phù hợp quy định pháp luật.

[14.3] Đối với bà Linh Thị D và ông Nông Văn P là người quản lý, sở hữu chiếc xe mô tô biển số 12XA-074.22, việc Nông Văn K tự ý sử dụng xe mô tô trên đi mua ma túy, bà Linh Thị D và ông Nông Văn P không biết, do đó không xem xét xử lý.

[15] Xét đề nghị luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về các tội danh, hình phạt, xử lý vật chứng, án phí là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận. Đề nghị giảm nhẹ hình phạt trong lời nói sau cùng của các bị cáo đã được Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc trong quá trình nghị án.

[16] Về án phí: Do các bị cáo Nông Văn N, Lê Việt H, Nông Văn K bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo Nông Văn N thuộc trường hợp là người cao tuổi (65 tuổi) và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[17] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; các Điều 38, 50; các điểm s, v khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Văn N.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; các Điều 17, 38, 50, 58; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Việt H về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; điểm b khoản 1 Điều 256a; các Điều 38, 50; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Việt H về tội Sử dụng trái phép chất ma túy. Căn cứ vào Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; các Điều 17, 38, 50, 58; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Văn K.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 292; các Điều 260, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về tội danh:

1.1. Tuyên bố bị cáo Nông Văn N (Căn cước công dân số 020061002***, Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C1 cấp ngày 22-11-2022) phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

1.2. Tuyên bố bị cáo Lê Việt H (Căn cước công dân số 019201009***, Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C1 cấp ngày 03-4-2025) phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và Sử dụng trái phép chất ma túy.

1.3. Tuyên bố bị cáo Nông Văn K (Căn cước công dân số 020202000***, Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C1 cấp ngày 25-4-2021) phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Nông Văn N 08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 23-01-2026.

2.2. Xử phạt bị cáo Lê Việt H 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù về tội Sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt của hai tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và Sử dụng trái phép chất ma túy, buộc bị cáo Lê Việt H phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 23-01-2026.

2.3. Xử phạt bị cáo Nông Văn K 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 23-01-2026.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu và tiêu hủy:

- 01 (một) phong bì có chữ Tang vật quả tang thu tại túi áo khoác (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Đình C; đại diện cơ quan trung cầu và các hình dấu của phòng K1 tại phần giáp lai mới. Bên trong có: 01 (một) gói giấy đựng tổng cộng 0,142gam chất ma túy Heroin (phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết) và toàn bộ các vỏ bao gói (cũ).

- 01 (một) phong bì có chữ Tang vật quả tang thu tại túi quần bên trái 10 (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Đình C; đại diện cơ quan trung cầu và các hình dấu của phòng K1 tại phần giáp lai mới. Bên trong có: 01 (một) túi nilon (cũ) đựng tổng cộng 0,337gam chất ma túy Heroin (phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết) và toàn bộ các vỏ bao gói (cũ).

- 01 (một) phong bì có chữ Tang vật quả tang thu tại túi quần bên trái 11 (cũ), có chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Đình C; đại diện cơ quan trung cầu và các hình dấu của phòng K1 tại phần giáp lai mới. Bên trong có: 01 (một) túi nilon (cũ) đựng tổng cộng 0,356gam chất ma túy Heroin (phần hao hụt do dùng làm mẫu giám định hết) và toàn bộ các vỏ bao gói (cũ).

3.2. Tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh, số Imeil: 8651194059615497, số I: 865194059615489 (tình trạng màn hình bị nứt, điện thoại cũ đã qua sử dụng) và 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ bạc, biển số 12X1-037.23, số khung: C6107Y082605, số máy: 5C61082605 (xe cũ đã qua sử dụng) của bị cáo Nông Văn N.

- 01 (một) điện thoại di động Iphone, vỏ màu đen, Imei 1: 356168099439270, Imei 2: 356168099549037 (điện thoại cũ đã qua sử dụng) của bị cáo Lê Việt H.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu xanh, imei 1: 869705065471314, Imei 2: 869705065471306 (điện thoại cũ đã qua sử dụng) của bị cáo Nông Văn K.

3.3. Truy thu, nộp vào ngân sách Nhà nước: Số tiền 1.400.000 đồng của bị cáo Nông Văn N.

3.4. Trả lại: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SYM Origin, màu tím, biển số 12K5-5923, số khung: VDEDCG024DE-021575, số máy: VTTJL1P52FMH8007381 (xe cũ đã qua sử dụng, không có vỏ bảo vệ, không có gương chiếu hậu, bị xước vỡ nhiều chỗ) của bị cáo Lê Việt H.

(Vật chứng, tài liệu, đồ vật hiện đang lưu giữ, bảo quản tại kho vật chứng Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp (PC 10), Công an tỉnh L, theo Lệnh nhập kho vật chứng số 415/LNK-CSMT ngày 06-02-2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L; Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 09-02-2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L và Thủ kho vật chứng, Kho vật chứng thuộc Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp (PC 10), Công an tỉnh L)

3.5. Xác nhận ngày 05-5-2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L đã trả lại cho chủ sở hữu bà Linh Thị D 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, biển số 12XA-074.22.

4. Về án phí: Bị cáo Nông Văn N được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Lê Việt H, Nông Văn K, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Lạng Sơn;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan THA hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Phân trại tạm giam Lộc Bình;
- Phòng THA dân sự khu vực 4 – Lạng Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phan Thị Thanh Huyền